

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2021/HSST
Ngày 10/3/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Đình Đường.

2. Ông Ma Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đức Chung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 10/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2021/HSST, ngày 26/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/QĐXXST- HS, ngày 25/02/2021, đối với bị cáo:

Nông Văn Đ, sinh ngày 28/01/1993, tại Bạch Thông, Bắc Kạn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã NP, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không ; quốc tịch: Việt nam; con ông Nông Văn L và bà Hoàng Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: 01, năm 2017 bị TAND huyện B, tỉnh Bắc Kạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng, đến ngày 04/02/2019 chấp hành xong; nhân thân: Năm 2013, bị áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - GD - LĐXH tỉnh Bắc Kạn trong thời hạn 12 tháng, theo Quyết định số 3496/QĐ-CTUBND ngày 30/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; bị bắt giam, giữ từ ngày 27/11/2020 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Bà Vũ Quỳnh N, sinh năm 1984 - Vắng mặt.

Trú tại: Tổ X, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1961 – Vắng mặt.

Trú tại: Tổ Y, phường P, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn Đ là đối tượng nghiện chất ma túy, sống lang thang trên địa bàn thành phố Bắc Kạn. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/10/2020, Nông Văn Đ đi bộ đến khu vực tổ X, phường P, thành phố Bắc Kạn với mục đích lợi dụng sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đi qua nhà của bà Vũ Quỳnh N, Đ nhìn thấy trước cửa nhà bà N có dựng hai chiếc xe đạp. Sau khi quan sát thấy không có ai trông coi, Đ đã lén lút lấy trộm một chiếc xe đạp kiểu dáng địa hình màu sơn đen nhãn hiệu GLX có số khung 2837220001468xx rồi điều khiển đến cửa hiệu cầm đồ T.H của ông Nguyễn Phú T, ở tổ Y, phường P, thành phố Bắc Kạn để cầm cố lấy số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*). Sau đó, Nông Văn Đ sử dụng số tiền nêu trên đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân và chi tiêu cá nhân hết tổng số tiền 250.000^d (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, qua điều tra xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn còn xác định ngoài hành vi trộm cắp tài sản tại nhà chị Vũ Quỳnh N, trước đó Nông Văn Đ còn hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 25/9/2020, Nông Văn Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một chiếc máy cắt sắt của một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch cụ thể), thời điểm đó ông H làm lán xây dựng tại tổ X, phường Đ, thành phố Bắc Kạn nhưng sau đó chuyển đi đâu Cơ quan điều tra không xác định được. Sau khi chiếm đoạt được chiếc máy cắt sắt nêu trên, Nông Văn Đ mang đến cửa hiệu cầm đồ T.H thuộc tổ Y, phường P, thành phố Bắc Kạn cầm cố cho ông Nguyễn Phú T lấy số tiền 250.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) và sử dụng số tiền này đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Sau một thời gian không thấy Nông Văn Đ quay lại chuộc chiếc máy cắt sắt ông Nguyễn Phú T đã bán chiếc máy cắt sắt nêu trên cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Do không xác định được chủ tài sản, nguồn gốc và đặc điểm của chiếc máy cắt sắt nên Cơ quan điều tra không tiến hành thủ tục yêu cầu định giá đối với tài sản nêu trên.

- Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/9/2020, Nông Văn Đ một mình đi bộ đến khu vực tổ X, phường Đ, thành phố Bắc Kạn thì thấy trước cửa nhà ông

Phạm Hồng T, sinh năm 1969, trú tại địa chỉ nêu trên có dựng hai chiếc xe đạp kiểu dáng xe đạp địa hình. Sau khi quan sát thấy không có ai trông coi, Nông Văn Đ đã lén lút lấy trộm một chiếc xe đạp kiểu dáng xe đạp địa hình màu sơn đen nhãn hiệu GLX có số khung G172263xx rồi mang đến cửa hiệu cầm đồ T.H thuộc tổ Y, phường P, thành phố Bắc Kạn cầm cố cho ông Nguyễn Phú T lấy số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) và sử dụng số tiền này đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Đến ngày 06/10/2020, Nông Văn Đ tiếp tục đến cửa hiệu cầm đồ T.H gặp ông Nguyễn Phú T đặt vấn đề muốn bán luôn chiếc xe đạp này và được ông T đồng ý trả thêm cho Đ số tiền 400.000^d (Bốn trăm nghìn đồng). Sau đó, Nông Văn Đ sử dụng số tiền này đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ được chiếc xe đạp nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 06/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bắc Kạn kết luận:

- 01 (một) xe đạp nhãn hiệu GLX màu sơn đen, số khung 2837220001468xx xe cũ đã qua sử dụng. Giá trị tài sản là 4.000.000^d (Bốn triệu đồng).

- 01 (một) xe đạp nhãn hiệu GLX màu sơn đen, số khung 172263xx xe cũ đã qua sử dụng. Giá trị tài sản là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Với các hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSTPBK ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Văn Đ về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 0952623xx mang tên Nông Văn Đ.

Tạm giữ của bị cáo 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, vỏ màu xanh đen đã qua sử dụng và số tiền 50.000^d (Năm mươi nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Quá trình tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Các hành vi, quyết định tố tụng và các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/10/2020 tại tổ X, phường P, thành phố Bắc Kạn, Nông Văn Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt một chiếc xe đạp nhãn hiệu GLX, màu sơn đen trị giá 4.000.000^d (Bốn triệu đồng) của bà Vũ Quỳnh N, sau đó mang đến hiệu cầm đồ của ông Nguyễn Phú T cầm cố lấy số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chi tiêu cá nhân.

Tổng hợp các chứng cứ lại, đánh giá diễn biến khách quan của vụ án thấy việc truy tố, xét xử bị cáo Nông Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội

tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo Nông Văn Đ có nhân thân xấu, đã có tiền sự bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và cộng đồng xã hội; bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng nào; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Thành khẩn khai báo*” được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng và nguồn thu nhập ổn định nào, khi áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì không có tính khả thi, vì vậy không áp dụng đối với bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại là bà Vũ Quỳnh N đã nhận được tài sản là chiếc xe đạp, nên bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Còn ông Nguyễn Phú T là người đã mua 02 chiếc xe đạp với giá là 1.000.000^d, nhưng ông T không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường, nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận trong bản án.

[5] *Về vật chứng:* Trả lại cho bị cáo 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 0952623xx mang tên Nông Văn Đ.

Tạm giữ của bị cáo 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, vỏ màu xanh đen đã qua sử dụng và số tiền 50.000^d (*Năm mươi nghìn đồng*) để đảm bảo thi hành án.

[6] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Trong vụ án này ông Nguyễn Phú T là người nhận cầm cố chiếc xe đạp do bị cáo trộm cắp được. Tuy nhiên, ông T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Trong quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi phạm tội nêu trên ngày 29/9/2020 Nông Văn Đ còn có hành vi trộm cắp 01 (một) xe đạp nhãn hiệu GLX màu sơn đen, số khung 172263xx trị giá 1.500.000^d (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) của ông Phạm Hồng T (ông T đã nhận lại được tài sản). Xét thấy hành vi nêu trên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nông Văn Đ là có căn cứ.

[9] Đối với hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc máy cắt sắt tại tổ X, phường Đ, thành phố Bắc Kạn vào ngày 25/9/2020 của Nông Văn Đ. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được chủ sở hữu và đặc điểm, nguồn gốc tài sản bị chiếm đoạt nên chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1, Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38/ BLHS.

Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 27/11/2020.

2, Về vật chứng: - Áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS.

+ Trả lại cho bị cáo 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 0952623xx mang tên Nông Văn Đ.

+ Tạm giữ của bị cáo 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, vỏ màu xanh đen đã qua sử dụng và số tiền 50.000^d (*Năm mươi nghìn đồng*) để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn ngày 09/3/2021).

3, Về biện pháp tư pháp: - Áp dụng khoản 2 Điều 47/BLHS và Điều 194/BLDS.

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phú T không yêu cầu bị cáo Nông Văn Đ phải bồi thường số tiền 1.000.000^d (*Một triệu đồng*).

4, Về án phí: - Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn Đ phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSND thành phố;
- CQTHAHS Công an TP;
- CQCSĐT Công an TP;
- Chi cục THA thành phố;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Hồ sơ;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vi Hồng Lễ

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10h 00' ngày 26 tháng 10 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Quỳnh và ông Lường Văn Thiết.

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/TLST-HS ngày 17/8/2018. Đối với bị cáo Lăng Thị Huệ - sinh năm 1990, tại Bắc Kạn.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1, Về tội danh: Bị cáo Lăng Thị Huệ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2, Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3, Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lăng thị Huệ 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4, Các vấn đề khác:

** Về án phí:*

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lăng Thị Huệ phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Kim Quỳnh – Lường Văn Thiết

Vi Hồng Lễ